

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2019/DS-ST

Ngày: 23 - 10 - 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Hứa Việt Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

TrOg ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Văn Thị K, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Sở Tại, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Ông Dương Văn O, sinh năm 1950 (Vắng mặt)

2. Bà Lâm Thị S, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Phần Thạnh, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Dương Tuyệt D, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phần Thạnh, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30.7.2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Văn Thị K trình bày:

Vào tháng 6 năm 2015 tôi có cho ông O, bà S vay số tiền là 445.000.000 đồng có làm biên nhận nợ và lãi suất thỏa thuận. Từ khi vay đến nay ông O và bà S không

trả vốn lãi cho tôi . Khi vay tiền thì ông O và bà S có cam kết sẽ đảm bảo tài sản thế chấp nếu như không thanh toán nợ đúng hạn (vốn, lãi). Việc ông O và bà S vay tiền là phục vụ cho việc làm ăn kinh tế gia đình, khi ký giấy nhận nợ thì chị D là cO ký tên đại diện. Tuy nhiên sau khi vay tiền, nhận tiền xOg thì ông O và bà S không đóng bất cứ khoản lãi nào cho tôi như đã cam kết. Tôi đã đòi nhiều lần nhưng ông O và bà S cứ hên lần hên lựa, viện nhiều lý do để kéo dài thời gian không trả tiền nên tôi yêu cầu ông O, bà S phải có trách nhiệm trả số tiền 445.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01.7.2015 dương lịch cho đến nay.

Đối với bị đơn ông Dương Văn O, bà Lâm Thị S và chị Dương Tuyết D. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 553/TB-TLVA ngày 30/7/2019 nhưng đều không có ý kiến bằng văn gửi Tòa án nhân dân huyện C, cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Dương Văn O, bà Lâm Thị S và chị Dương Tuyết D. Tuy nhiên, ông O, bà S và chị D đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Ông O, bà S và chị D cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trOg hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Dương Văn O, bà Lâm Thị S và chị Dương Tuyết D đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông O, bà S và chị D không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông O, bà S và chị D là phù hợp.

[2] Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa, chị K vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn O, bà Lâm Thị S liên đới trả cho chị số tiền 445.000.000 đồng đã vay tháng 6/2019 (âm lịch). Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh. Do ông O và bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị K khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị K đã cung cấp giấy mượn tiền mà ông O, bà S đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông O, bà S

và chị D không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông O và bà S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 445.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của chị K thấy rằng: Chị K khai trOg giấy mượn tiền có thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị K yêu cầu ông O và bà S trả lãi suất theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử lấy mốc thời gian từ ngày 01/7/2015 dương lịch đến nay làm căn cứ tính lãi suất là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, do hợp đồng vay giữa chị K và ông O và bà S có thỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn ông O và bà S không trả đầy đủ nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Số tiền 445.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 01/7/2015 đến ngày 23/10/2019 là 39 tháng 22 ngày, được tính như sau: 445.000.000 đồng x 10%/năm (= 0.83%/tháng) x 51 tháng 22 ngày = 191.844.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc ông O và bà S trả cho chị K là 445.000.000 đồng + 191.844.000 đồng = 636.844.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Tại phiên tòa, chị K trình bày khoản tiền vay mà ông O và bà S còn thiếu là nợ chung của vợ chồng ông O và bà S vì mục đích vay tiền là để đầu tư phát triển kinh tế gia đình. Cho nên, cần buộc ông O và bà S có trách nhiệm liên đới phải trả cho chị K số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy ông O, bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí là đúng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị K.

1. Buộc ông Dương Văn O và bà Lâm Thị S liên đới trả cho chị Văn Thị K số tiền nợ gốc 445.000.000 đồng và tiền lãi 191.844.000 đồng. Tổng cộng 636.844.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 29.473.760 đồng. Ông Dương Văn O, bà Lâm Thị S được miễn.

Chị Văn Thị K không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị K số tiền 10.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã dự nộp theo biên lai thu số 0004642 ngày 30/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trOg thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Dương Văn O, bà Lâm Thị S và chị Dương Tuyết D anh được quyền kháng cáo bản án trOg hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính